

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



LÊ ĐỨC NHẬT

**PHÁP LUẬT VỀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CHO LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI, THỰC TIỄN
TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Thị Thảo

Phản biện 1: TS. Cao Đình Lành

Phản biện 2: PGS.TS. Ngô Thị Hương

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc 08giờ 30 ngày 25 tháng 11 năm 2018

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài	1
3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn	5
7. Kết cấu luận văn	6
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI VÀ PHÁP LUẬT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI	6
1.1. Khái quát về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội ...	6
1.1.1. Khái niệm chi ngân sách nhà nước và chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội	6
1.1.2. Đặc điểm chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội ...	7
1.1.3. Vai trò của chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội ...	7
1.2. Khái quát pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội	8
1.2.1. Khái niệm pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội	8
1.2.2. Nguyên tắc chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội .	8
1.2.3. Nội dung pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội	8
1.2.3.1. Nội dung và thẩm quyền chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội	8
1.2.3.2. Điều kiện và phương thức chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội	8
1.2.3.3. Quy định về nguồn vốn chi ngân sách cho lĩnh vực văn hoá xã hội	9
1.2.3.4. Quy định về lập dự toán cho chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa xã hội	9
1.2.3.5. Quy định về định mức và tiêu chí phân bổ ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực văn hóa xã	10
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1	10
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ...	11

2.1. Thực trạng pháp luật chi ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hoá xã hội.....	11
2.1.1. Thực trạng quy định về thẩm quyền chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội.....	11
2.1.2. Thực trạng quy định về lập dự toán cho chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa xã hội.....	12
2.1.3. Thực trạng quy định về định mức và tiêu chí phân bổ ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực văn hóa xã hội.....	12
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội tại tỉnh Quảng Trị	12
2.2.1. Tổng quan về tình hình kinh tế - xã hội Tỉnh Quảng Trị.....	12
2.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước của Tỉnh Quảng Trị ...	14
2.2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về chi thường xuyên Ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thời gian qua.....	14
2.2.4. Thực tiễn thực hiện pháp luật về chi đầu tư xây dựng cơ bản cho lĩnh vực văn hóa xã hội.....	15
2.2.5. Thực tiễn thực hiện pháp luật về chi NSNN cho chương trình mục tiêu quốc gia văn hóa xã hội	16
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2	16
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ.....	16
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật chi ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hoá xã hội tại Tỉnh Quảng Trị	16
3.1.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội đáp ứng định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong xu hướng đẩy mạnh cải cách hành chính, hợp tác quốc tế.....	16
3.1.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội đáp ứng định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh phù hợp với mục tiêu an sinh xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.....	17
3.1.3. Định hướng hoàn thiện pháp luật chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội đáp ứng nhu cầu phát huy giá trị văn hóa xã hội.....	17
3.1.4. Định hướng hoàn thiện pháp luật chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội đáp ứng nguồn vốn tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa xã hội, xã hội hóa oạt động đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, xã hội.....	18

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về chi ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hoá xã hội Tỉnh Quảng trị	18
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội	18
3.2.2. Giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hoá xã hội Tỉnh Quảng Trị trong những năm tới	20
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3	22
KẾT LUẬN.....	23

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Văn hoá xã hội được xem là một trong những hoạt động trọng tâm trong quản lý và thực hiện chức năng ở chính quyền địa phương. Chi ngân sách nhà nước cho hoạt động văn hoá xã hội và pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho hoạt động văn hoá nhằm đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu của nhà nước trong hoạt động quản lý nói chung và từng địa bàn địa phương nói riêng. Ngân sách nhà nước đóng vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý nhà nước nói chung và quản lý kinh tế nói riêng. Trong đó chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội là một trong những khoản chi đặc biệt quan trọng. Mục tiêu của các hoạt động văn hóa xã hội là nâng cao tri thức và thẩm mỹ cho mọi tầng lớp dân cư nhằm xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, có nội dung nhân đạo, dân chủ và tiến bộ, phát triển đạo đức xã hội và truyền thống dân tộc, đảm bảo an toàn xã hội. Mục tiêu của các hoạt động này cho phép mỗi công dân phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức và nâng cao tri thức của mình. Vì tính chất quan trọng của các hoạt động văn hóa xã hội nên việc thực hiện các mục tiêu của chúng gắn liền một khoản cấp phát từ ngân sách nhà nước.

Hiện nay, Quảng Trị với vai trò là một trong những trung tâm văn hóa xã hội miền trung, việc đầu tư cho các hoạt động này là đặc biệt cần thiết, trong đó, nguồn chi từ ngân sách nhà nước là quan trọng nhất. Trên cơ sở các quy định pháp luật, hằng năm, Quảng Trị luôn chi một khoản ngân sách nhà nước không nhỏ và ngày càng tăng lên cho sự nghiệp văn hóa xã hội của tỉnh. Với mức chi đó, sự nghiệp giữ gìn và phát huy các truyền thống văn hóa, bảo đảm phát triển xã hội mang đặc trưng riêng của Quảng Trị cũng như của nước ta đã và đang gặt hái được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, ngoài những thành tựu đã đạt được, vì nhiều nguyên nhân về cả lý luận lẫn thực tiễn mà hoạt động chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội ở Quảng Trị nói riêng và trong cả nước nói chung vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập dẫn đến kết quả của hoạt động này chưa thật sự như mong đợi.

Vì thế việc nghiên cứu các quy định pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp văn hóa xã hội cũng như thực tiễn áp dụng các quy định này trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là rất cần thiết, từ đó học viên chọn đề tài “ **Pháp luật về chi Ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội, thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị** ” để nghiên cứu về vấn đề này góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật chi ngân sách trên thực tế.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Chi ngân sách, một công cụ của chính sách tài chính quốc gia có tác động rất lớn đối với sự phát triển của nền kinh tế. Do đó, vấn đề này nhận được rất nhiều sự quan tâm của các chuyên gia, các nhà hoạch định chính

sách, và đã có những bài viết về vấn đề này được đăng trên các báo, tạp chí hay được bàn luận tại các hội nghị...

Liên quan đến đề tài nghiên cứu pháp luật về chi ngân sách nhà nước đã có nhiều công trình nghiên cứu ở nhiều góc độ, mức độ rộng, hẹp khác nhau, từ khi Luật ngân sách nhà nước năm 2002, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và một số văn bản hướng dẫn thi hành luật có hiệu lực thi hành và áp dụng vào thực tế, một số nhà khoa học cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu có liên quan đến ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội như:

Luận án tiến sỹ kinh tế *“Hoàn thiện chi NSNN nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”* của tác giả Trần Văn Lâm, Học viện tài chính Hà Nội (năm 2009), đã hệ thống hoá và làm rõ thêm được các vấn đề lý luận về NSNN và chi NSNN trong nền kinh tế thị trường với những nội dung cụ thể: mục tiêu, nguyên tắc và phương thức của chi NSNN...; quản lý chi NSNN với việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Luận án cũng đã trình bày một cách khái quát thực trạng áp dụng pháp luật chi ngân sách địa phương trên các mặt: cải thiện cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội; công bằng xã hội. Từ đó, rút ra những kết quả đạt được và những hạn chế cùng với những nguyên nhân của việc áp dụng pháp luật trong chi NSNN trong những năm vừa qua. Nghiên cứu về kinh nghiệm áp dụng chi NSNN tác giả đã đưa ra một số vấn đề về chi NSNN ở các nước về cải cách pháp luật và áp dụng chi NSNN; quản lý hiệu quả chi ngân sách nhà nước theo kết quả đầu ra và khuôn khổ ngân sách nhà nước..., từ đó rút ra bài học có thể nghiên cứu vận dụng nhằm nâng cao hiệu quả việc áp dụng pháp luật chi NSNN trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng. Mục tiêu hoàn thiện pháp luật chi ngân sách thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh với những quan điểm hoàn thiện pháp luật và áp dụng pháp luật chi ngân sách địa phương, tác giả luận án đã nghiên cứu đề xuất một hệ thống gồm 6 nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật chi ngân sách địa phương. Trong đó, giải pháp áp dụng quy trình lập dự toán và phân bổ ngân sách trên cơ sở khuôn khổ chi tiêu trung hạn hướng theo kết quả đầu ra; hoàn thiện pháp luật chi ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, luận án chưa làm rõ được đặc thù riêng của Tỉnh khi áp dụng pháp luật theo phương thức mới, các phương thức, quy trình chi NSNN nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các Tỉnh khác nhau thì có gì khác nhau.

Luận án tiến sỹ kinh tế: *“Đổi mới quản lý chi NSNN trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam”* của Nguyễn Thị Minh, Học viện tài chính Hà Nội (năm 2008) đã hệ thống hoá và làm rõ thêm được các vấn đề lý luận về NSNN, chi NSNN trong nền kinh tế thị trường; cơ chế chi NSNN, sự cần thiết phải đổi mới phương thức chi. Đặc biệt, khẳng định được vai trò của chi NSNN trong nền kinh tế thị trường thông qua việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Luận án cũng đã trình bày một cách khái quát thực trạng chi ngân sách của nước ta về phương thức chi theo yếu tố đầu vào; theo chương trình

mục tiêu, dự án; theo kết quả đầu ra và chu trình ngân sách trong khuôn khổ pháp luật quy định về chi ngân sách nhà nước. Trên cơ sở trình bày định hướng về phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu tài chính, ngân sách của Việt Nam, cùng với những quan điểm đổi mới chi NSNN, tác giả luận án đã nghiên cứu đề xuất một hệ thống gồm 5 nhóm giải pháp nhằm đổi mới áp dụng pháp luật về chi NSNN. Trong đó, giải pháp đẩy mạnh triển khai phương thức chi NSNN theo kết quả đầu ra với những điều kiện và khả năng áp dụng là cần thiết và phù hợp với việc đổi mới chi NSNN hiện nay. Tuy nhiên, phần lý luận có một số lý luận về vai trò của chi NSNN chỉ đúng với điều kiện Việt Nam mà không đúng với các nước nói chung; phần kinh nghiệm nước ngoài, nếu có kinh nghiệm của các nước tương đồng với Việt Nam thì sẽ tốt hơn. Nếu Luận án đề cập một cách rõ ràng, cụ thể hơn những khó khăn, trở ngại mà Việt Nam phải đối mặt khi triển khai thực hiện phương thức áp dụng pháp luật về chi NSNN mới như Luận án đề xuất thì tính thuyết phục của các giải pháp sẽ cao hơn.

Luận văn Tiến sĩ “*Nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2020*” tác giả Tô Thiện Hiền, Đại học ngân hàng TP Hồ Chí Minh (2016), luận văn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý NSNN tỉnh An Giang phục vụ cho việc quản lý, điều hành NSNN được chặt chẽ và hiệu quả hơn, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội một cách vững chắc.

Luận văn thạc sĩ “*Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách nhà nước ở huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh*” của tác giả Phạm Công Hưng- Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (2012); đề xuất các giải pháp quản lý chi trên địa bàn nhằm giải quyết kịp thời những hạn chế về công tác quản lý chi ở huyện Thuận Thành và việc thực hiện tốt chi ngân sách giúp thực hiện tốt chức năng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ người nghèo, rút ngắn khoảng cách giàu và nghèo.

Luận văn Thạc sĩ “*Hoàn thiện công tác quản lý ngân sách nhà nước huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định*” tác giả Phạm Văn Thịnh - Đại học Đà Nẵng (2011); Luận văn đề xuất những giải pháp về hoàn thiện quản lý chi NSNN huyện Phù Cát như cần thực hiện công khai tài chính nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời tạo điều kiện cho việc kiểm tra giám sát của nhân dân, trong việc sử dụng ngân sách; và đầu tư cơ sở vật chất về công nghệ, thông tin để đưa ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý ngân sách được đúng tầm.

Luận văn Thạc sĩ “*Hoàn thiện công tác quản lý ngân sách tỉnh Quảng Nam*” tác giả Tạ Xuân Quan – Trường Đại học Đà Nẵng (2011), luận văn đưa ra những giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý ngân sách tỉnh Quảng Nam như cần tiếp tục hoàn thiện quản lý ngân sách như thực hiện đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ hệ thống tổ chức các cơ quan hành chính, xác

định rõ chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo tự chủ, tự chịu trách nhiệm của từng cấp chính quyền.

Tuy nhiên có thể thấy, các công trình nghiên cứu khoa học và các bài viết nêu trên, phần lớn các giả đề cập đến một số vấn đề liên quan đến quản lý chi NSNN và các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN nói chung, chưa bao quát được hết vấn đề, chủ yếu là nghiên cứu về những quy định chung trong Luật Ngân sách nhà nước, trong đó có rất ít những bài nghiên cứu mang pháp luật về chi NSNN cho lĩnh vực Văn hóa xã hội, cũng như chưa có bài nghiên cứu tổng thể nào về thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật tại tỉnh Quảng Trị về chi NSNN cho lĩnh vực Văn hóa xã hội.

3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Luận văn nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội, cũng như thực tiễn thực hiện pháp luật chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội tại tỉnh Quảng Trị, nhằm tìm ra những ưu khuyết điểm trong các quy định của pháp luật, những thành tựu, hạn chế trong quá trình thực hiện trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội tại Quảng Trị nói riêng và cả nước nói chung.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài:

Trên cơ sở mục tiêu nghiên cứu đề tài tập trung giải quyết các nhiệm vụ cụ thể là:

- Làm rõ một số vấn đề về chi ngân sách nhà nước nói chung và chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội, pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội nói riêng để thấy được ưu điểm, hạn chế trong những quy định của pháp luật;

- Phân tích thực trạng pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội và nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật tại Tỉnh Quảng Trị để thấy được những thành tựu cũng như những tồn tại trong quá trình áp dụng pháp luật chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội;

- Đề xuất định hướng nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc chi NSNN cũng như tổ chức thực hiện pháp luật có hiệu quả cho lĩnh vực văn hóa xã hội tại Quảng Trị nói riêng, nước ta nói chung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Một là, các văn bản pháp luật về chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội như: Luật ngân sách nhà nước năm 2015; các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản dưới luật có liên quan.

Hai là, các công trình, tài liệu, bài viết nghiên cứu khác liên quan đến chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội.

Ba là, các báo cáo thống kê của Sở Tài chính, Sở Văn hóa thông tin về thực tiễn thực hiện pháp luật về chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa xã hội tại Quảng Trị trong thời gian qua.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Về không gian: Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn thực hiện pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Thời gian nghiên cứu: Thời gian 2015 - 2018.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác- Lênin, dựa trên những quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước và pháp luật, những thành tựu của khoa học kỹ thuật như: khoa học pháp lý, triết học, logic học...trong việc nghiên cứu lý luận cũng như thực tiễn pháp luật về chi ngân sách cho lĩnh vực văn hoá xã hội.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tổng hợp và hệ thống hóa lý thuyết được sử dụng trong nội dung Chương 1 Luận văn nhằm khái quát chung và phát triển những vấn đề lý luận mới về chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội và pháp luật về chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội.

Phương pháp phân tích văn bản và phân tích quy phạm được sử dụng xuyên suốt trong nội dung Chương 2 của Luận văn nhằm làm rõ các quy định của pháp luật Việt Nam về chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội và thực tiễn thực hiện ở Quảng Trị.

Phương pháp so sánh được sử dụng trong nội dung chương 2 của Luận văn nhằm nhận diện những khác biệt trong quy định về chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội với các lĩnh vực chi khác.

Phương pháp đánh giá kết hợp bình luận được sử dụng trong toàn nội dung Luận văn nhằm đưa ra những quan điểm của tác giả trong các quy định về pháp luật chi ngân sách cho sự nghiệp văn hóa, xã hội và thực tiễn thực hiện các quy định về pháp luật chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa, xã hội trên địa bàn Quảng Trị.

Phương pháp logic được sử dụng trong toàn nội dung Luận văn nhằm hệ thống hóa các vấn đề nghiên cứu một cách hợp lý, dễ đọc và dễ hiểu nhất.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Luận văn góp phần phát hiện, hệ thống một số tồn tại, bất cập pháp luật điều chỉnh về chi ngân sách và thực tiễn thực hiện pháp luật về chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa xã hội trên địa bàn Tỉnh Quảng Trị.

Đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về việc chi ngân sách cho sự nghiệp văn hóa xã hội trên địa bàn Tỉnh Quảng trị trong thời gian 2015-2018,

từ đó đề xuất các giải pháp cũng như thực hiện pháp luật về chi ngân sách nhà nước Tỉnh trong thời gian tới.

Với kết quả nghiên cứu này, đề tài có thể làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan trong việc lãnh đạo, điều hành công tác chi ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa xã hội tiết kiệm, hiệu quả góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội, an ninh- quốc phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hoá xã hội và pháp luật chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hoá xã hội.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hoá xã hội tại Tỉnh Quảng Trị.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội tại tỉnh Quảng Trị.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI VÀ PHÁP LUẬT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI

1.1. Khái quát về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội

1.1.1. Khái niệm chi ngân sách nhà nước và chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội

NSNN là hệ thống những quan hệ phân phối lại những khoản thu nhập phát sinh trong quá trình sử dụng có kế hoạch quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước nhằm thực hiện tăng trưởng kinh tế, từng bước mở mang các lĩnh vực văn hóa-xã hội, duy trì hoạt động quản lý của bộ máy nhà nước và bảo đảm an ninh quốc phòng. Cụ thể hơn chi NSNN là phân phối và sử dụng quỹ ngân sách nhà nước theo dự toán ngân sách đã được các chủ thể quyền lực nhà nước quyết định nhằm duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước và đảm bảo thực hiện các chức năng của Nhà nước.

Chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội là việc phân phối và sử dụng quỹ ngân sách nhà nước nhằm đầu tư cho các hoạt động xây dựng và phát triển hệ thống các nhà bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa, các công trình văn hóa xã hội trọng điểm, các hoạt động sáng tác văn hóa nghệ thuật, biểu diễn nghệ thuật, thể dục thể thao... nhằm nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho người dân cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước theo những nguyên tắc nhất định. Là quá trình phân phối lại các nguồn tài chính đã được tập trung vào ngân sách nhà nước và đưa chúng đến mục đích sử dụng cho lĩnh vực văn hóa xã hội.

1.1.2. Đặc điểm chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội

- Chi NSNN cho sự nghiệp văn hóa xã hội gắn với bộ máy Nhà nước và những nhiệm vụ văn hóa, xã hội mà Nhà nước đảm đương trong từng thời kỳ.

- Chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa xã hội gắn với quyền lực của Nhà nước. Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất quyết định qui mô, nội dung, cơ cấu chi NSNN và phân bổ vốn NSNN cho các mục tiêu quan trọng nhất, bởi vì Quốc hội là cơ quan quyết định các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội của quốc gia. Chính phủ là cơ quan hành pháp, có nhiệm vụ quản lý, điều hành các khoản chi NSNN.

- Chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa xã hội là những khoản chi không hoàn trả trực tiếp. Các khoản chi cấp phát từ NSNN cho văn hóa xã hội cho các ngành, các cấp, cho các hoạt động văn hóa, xã hội, giúp đỡ người nghèo. Không phải trả giá hoặc hoàn lại cho Nhà nước.

- Chi NSNN là một bộ phận cấu thành luồng vận động tiền tệ và nó gắn liền với sự vận động của các phạm trù giá trị khác như giá cả, tiền lương, tín dụng, thuế, tỉ giá hối đoái...

1.1.3. Vai trò của chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội

Mục tiêu của các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao là nhằm nâng cao tri thức và thẩm mỹ cho mọi tầng lớp dân cư nhằm xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, có nội dung nhân đạo, dân chủ và tiến bộ, phát triển đạo đức xã hội và truyền thống dân tộc. Các mục tiêu của các hoạt động này cho phép mỗi công dân phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng và đạo đức. Vì tính chất quan trọng của các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao nên việc thực hiện các mục tiêu của chúng gắn liền một khoản cấp phát từ ngân sách nhà nước. Về nội dung khoản chi này bao gồm¹:

- Chi cho hệ thống thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa.

- Chi cho hệ thống phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác.

- Chi cho các hoạt động biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác.

- Chi cho sự nghiệp thể dục thể thao.

- Chi cho các chương trình quốc gia về văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao.

Mục tiêu của khoản chi này là nhằm bảo đảm đời sống của người lao động khi gặp khó khăn, tai nạn, già yếu, những người không có khả năng lao động đồng thời giải quyết những vấn đề xã hội nhất định. Chi từ ngân sách nhà nước cho lĩnh vực xã hội bao gồm:

- Chi thực hiện những chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng.

¹ Điều 3 Nghị định 163/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước ngày 21 tháng 12 năm 2016.

- Chi để giúp đỡ đời sống nhân dân ở những vùng xảy ra thiên tai và những sự cố bất ngờ.

- Chi cho các trại xã hội: trại trẻ mồ côi, trại nuôi dưỡng người già, các trại cải tạo.

Chi cho lĩnh vực văn hóa xã hội chủ yếu là do ngân sách nhà nước đài thọ, bên cạnh đó còn có các nguồn do các đơn vị kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước quyên góp, ủng hộ của nhân dân. Khoản chi này đã góp phần giảm nhẹ những khó khăn về đời sống của một số đối tượng nhất định và hình thành thu nhập về phúc lợi xã hội cho những đối tượng đó.

1.2. Khái quát pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội

1.2.1. Khái niệm pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội

Pháp luật về chi ngân sách Nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội là tập hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình phân phối và sử dụng quỹ ngân sách nhà nước nhằm đầu tư cho các hoạt động xây dựng và phát triển hệ thống các nhà bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa, các công trình văn hóa xã hội trọng điểm, các hoạt động sáng tác văn hóa nghệ thuật, biểu diễn nghệ thuật, thể dục thể thao... nhằm nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho người dân cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước theo những nguyên tắc nhất định.

1.2.2. Nguyên tắc chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội

- Nguyên tắc cân bằng thu, chi.

- Nguyên tắc chi theo kế hoạch và đúng mục đích

- Nguyên tắc tiết kiệm chi và tăng cường thu:

1.2.3. Nội dung pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội

1.2.3.1. Nội dung và thẩm quyền chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội

Thứ nhất, Chi cho hệ thống bảo tồn, bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa; Trùng tu di tích lịch sử đã được xếp hạng.

Thứ hai, Chi cho các hoạt động sáng tạo văn hóa nghệ thuật; cho các hoạt động biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác.

Thứ ba, Chi cho hệ thống phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác.

Thứ tư, Chi cho các chương trình quốc gia về Văn hóa.

Thứ năm, Chi cho hoạt động thể dục thể thao.

1.2.3.2. Điều kiện và phương thức chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội

* Điều kiện thực hiện chi ngân sách Nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội

Thứ nhất, khoản chi đã được xác định trong dự toán ngân sách được duyệt.

Thứ hai, khoản chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Thứ ba, khoản chi đã được cơ quan tài chính hoặc thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được ủy quyền chuẩn chi.

Thứ tư, khoản chi được thực hiện trên cơ sở có đầy đủ các chứng từ có liên quan.

**Phương thức cấp phát ngân sách từ ngân sách Nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội*

- Phương thức cấp phát theo dự toán kinh phí:

- Phương thức cấp phát theo lệnh chi tiền:

1.2.3.3. Quy định về nguồn vốn chi ngân sách cho lĩnh vực văn hoá xã hội

Một là, vốn Ngân sách nhà nước bao gồm cả ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương được hình thành từ tích lũy của nền kinh tế quốc dân, vốn khấu hao cơ bản và một phần vốn ngân sách cho các sự nghiệp trong đó có văn hóa, y tế giáo dục, nghiên cứu khoa học, các công trình quản lý nhà nước, công trình an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái mà không có khả năng thu hồi vốn, những dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, trồng rừng đầu nguồn, rừng quốc gia, rừng phòng hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, các trạm, trại, động thực vật, nghiên cứu giống mới, cải tạo vốn...

Hai là, vốn tín dụng đầu tư nhà nước được hình thành do chuyển từ ngân sách nhà nước sang Cục văn hóa cơ sở để vay theo hình thức tín dụng ưu đãi, vốn do nhà nước vay viện trợ của nước ngoài qua hệ thống ngân sách nhà nước được chuyển sang cho tổng cục văn hóa du lịch, vốn thu nợ các dự án vay ưu đãi đối với các dự án đã đến hạn trả nợ. Nguồn vốn này được dùng để vay ưu đãi đối với các dự án, các trương trình mục tiêu quốc gia do nhà nước chỉ định.

Ba là, nguồn vốn tự cân đối dành cho đầu tư của các đơn vị sự nghiệp được hình thành từ lợi nhuận khấu hao cơ bản, tiền thanh lý tài sản và các nguồn vốn theo quy định của nhà nước. Nguồn vốn này được dùng để đầu tư xây dựng, cải tạo mở rộng, đổi mới kỹ thuật và công nghệ của các đơn vị sự nghiệp.

Bốn là, vốn huy động của nhân dân được đầu tư vào các công trình dự án trực tiếp đem lại lợi ích cho người góp vốn như các công trình văn hóa, bảo tàng, thư viện...

1.2.3.4. Quy định về lập dự toán cho chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa xã hội

Dựa trên những quy định của pháp luật về lập dự toán NSNN, vào nhiệm vụ cụ thể của đơn vị mình, các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa các cấp

sẽ phối hợp với cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập dự toán chi ngân sách nhà nước của cấp mình theo quy định.

1.2.3.5. Quy định về định mức và tiêu chí phân bổ ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực văn hóa xã

Bộ Văn hóa thể thao và du lịch sẽ chịu trách nhiệm phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng trực thuộc theo các nguyên tắc quy định tại Nghị định 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Trong trường hợp chưa có điều kiện phân bổ và giao dự toán trực tiếp đến các đơn vị sử dụng ngân sách thì có thể phân bổ, giao dự toán cho đơn vị dự toán cấp II và ủy quyền cho đơn vị này phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc. Bên cạnh đó, chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa thuộc vào chi thường xuyên của NSNN do đó dự toán chi NSNN giao cho đơn vị sử dụng ngân sách loại này sẽ được phân bổ theo từng loại của Mục lục Ngân sách nhà nước, theo các nhóm mục sau: Chi thanh toán cá nhân; Chi nghiệp vụ chuyên môn; Chi mua sắm, sửa chữa; Các khoản chi khác.

Đối với các nhiệm vụ chi về chương trình mục tiêu quốc gia; chi mua sắm, sửa chữa lớn... dự toán năm giao cho đơn vị sử dụng ngân sách còn được phân theo tiến độ thực hiện từng quý.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 của luận văn đã đi sâu vào nghiên cứu, hệ thống hoá và làm rõ cơ sở lý luận về chi ngân sách NSNN cho lĩnh vực văn hóa xã hội. Chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội là quá trình phân phối, sử dụng quỹ ngân sách nhà nước theo những nguyên tắc nhất định cho việc thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước trong hoạt động văn hóa xã hội. Nội dung của chi NSNN cho hoạt động văn hóa xã hội bao gồm: Chi cho sự nghiệp giáo dục đào tạo, chi cho lĩnh vực y tế; Chi cho hệ thống bảo tồn, bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa; Trùng tu di tích lịch sử đã được xếp hạng; Chi cho các hoạt động sáng tạo văn hóa nghệ thuật; cho các hoạt động biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác; Chi cho hệ thống phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác; Chi cho các chương trình quốc gia về Văn hóa; Chi cho hoạt động thể dục thể thao theo các điều kiện và nguyên tắc chi đáp ứng hiệu quả nguồn chi ngân sách cho lĩnh vực này. Trên cơ sở phân tích các cơ sở lý luận về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội làm cơ sở phân tích thực trạng về chi ngân sách cho lĩnh vực này trong Chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

2.1. Thực trạng pháp luật chi ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hoá xã hội

2.1.1. Thực trạng quy định về thẩm quyền chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội

Thứ nhất, quy định phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách phải phù hợp với phân cấp quản lý KTXH nhưng hiện nay phân cấp quản lý KTXH đối với một số nhiệm vụ, lĩnh vực còn chưa rõ ràng, cụ thể hoặc còn chồng chéo giữa các cấp hoặc phân cấp không hợp lý dẫn đến khó khăn trong phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách.

Thứ hai, phân cấp chi ngân sách chưa gắn liền với việc cung cấp các dịch vụ công cộng ở địa phương mà chủ yếu vẫn được phân bổ dựa trên hệ thống tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách theo yếu tố đầu vào, chưa tính đến hiệu quả đầu ra của các nhiệm vụ chi, hiệu quả phân bổ chưa cao, là một nguyên nhân gây thất thoát, lãng phí. Đồng thời, đối với các địa phương có tính đặc thù như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, kinh phí chi cho công tác duy tu, duy trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị như vận tải hành khách công cộng, cấp nước, thoát nước v.v... là rất lớn gây áp lực đầu tư, trong khi đó thì định mức phân bổ ngân sách từ trung ương không tính đến yếu tố này.

Thứ ba, việc thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách như hiện hành (từ 3 đến 5 năm) cũng làm hạn chế nguồn lực của các tỉnh do các tỉnh tăng thu thì được tăng chi trong thời kỳ ổn định ngân sách song qua mỗi thời kỳ ổn định thì tỷ lệ điều tiết về NSTW bắt buộc phải tăng lên. Ngoài ra, trong thời kỳ ổn định ngân sách, một số nhiệm vụ chi được Trung ương chuyển về cho địa phương nhưng không được Trung ương tính bổ sung dự toán chi từ Trung ương cho địa phương (ví dụ: Hà Nội nhận bàn giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng, duy trì một số tuyến đường quốc lộ từ Bộ Giao thông vận tải hoặc một số công trình thủy lợi từ Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn... nhưng không được nhận bổ sung dự toán chi ngân sách từ hai Bộ cho nhiệm vụ này).

Thứ tư, Luật NSNN quy định không được dùng ngân sách của cấp này để chi nhiệm vụ của cấp khác (trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của Chính phủ) nhưng thực tế nhiều địa phương, trong đó có Hà Nội, phải hỗ trợ thêm kinh phí cho các cơ quan Trung ương ở địa phương (tư pháp, công an, quân đội) để thực hiện nhiệm vụ chung trên địa bàn hoặc hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng công trình, hỗ trợ an sinh xóa đói giảm nghèo cho địa phương bạn theo chương trình hợp tác.

Thứ năm, Luật NSNN quy định HĐND cấp tỉnh được quyết định chế độ chi ngân sách phù hợp với đặc điểm thực tế của địa phương, riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Thực tế triển khai cho thấy, một số nội dung chi có tính chất là trợ cấp nhưng để linh hoạt, không lạc hậu trong bối cảnh mức lương tối thiểu (cơ sở) thay đổi hàng năm như hiện nay thì cũng cần quy định ngay trong Luật NSNN để HĐND tự quyết định mức trợ cấp thích hợp (là số tuyệt đối hay hệ số theo mức lương tối thiểu) miễn là trong khả năng cân đối NSDP, việc xin ý kiến Bộ chuyên ngành đối với các trường hợp này chỉ là hình thức. Hoặc có những chế độ chi Chính phủ giao các Bộ hướng dẫn khung, HĐND quyết định mức chi cụ thể, nhưng do các Bộ chưa hướng dẫn, hướng dẫn chậm nên HĐND cũng không thể tự quyết định dù là cần thiết đối với địa phương.

Thứ sáu, Theo quy định, HĐND chỉ họp 2 kỳ/năm, trừ trường hợp đặc biệt có kỳ họp đột xuất. Vì vậy, một số chế độ chi ngân sách đã được TW ban hành khung hoặc chỉ giới hạn mức tối đa hoặc tối thiểu cần thực hiện ngay nhưng do không trùng thời gian kỳ họp của HĐND, luật lại không quy định thẩm quyền cho Thường trực HĐND để quyết định nên UBND cũng không tổ chức thực hiện được chính sách một cách kịp thời.

2.1.2. Thực trạng quy định về lập dự toán cho chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa xã hội

- Về yêu cầu của việc lập dự toán ngân sách nhà nước
- Về căn cứ lập dự toán ngân sách.

2.1.3. Thực trạng quy định về định mức và tiêu chí phân bổ ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực văn hóa xã hội

- Chi về giáo dục và đào tạo:
- Chi về y tế:
- Chi phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin, báo chí...
- Chi về nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ:
- Chi cấp xã hội và trợ cấp quỹ bảo hiểm xã hội:

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội tại tỉnh Quảng Trị

2.2.1. Tổng quan về tình hình kinh tế - xã hội Tỉnh Quảng Trị

Quảng Trị là một tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ - Việt Nam; kéo dài từ 16018' -170 10' vĩ Bắc và 106 độ 32' -107 độ 24' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Bình, với địa danh nổi tiếng Động Phong Nha- Kẻ Bàng, phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên- Huế với những lăng tẩm và di tích của một thời cổ đô nhà Nguyễn. Phía Tây giáp các tỉnh Savannakhet, Saravan của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và phía Đông giáp biển Đông. Khí hậu Quảng Trị nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa.

Trong những năm qua, giá một số nông sản, nhất là thịt lợn hơi xuống thấp, làm cho một bộ phận dân cư gặp khó khăn; tình hình thiên tai, dịch

bệnh diễn biến phức tạp; tình hình sự cố môi trường biển do nước thải công nghiệp của Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (công ty Formosa) gây ra tuy đã phục hồi nhưng ảnh hưởng vẫn còn nặng nề; thu ngân sách, thu hút đầu tư còn nhiều khó khăn; môi trường kinh doanh tuy có cải thiện, nhưng số doanh nghiệp thành lập mới chưa nhiều; doanh nghiệp tại Quảng trị chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ nên gặp nhiều rủi ro trong cuộc cạnh tranh hiện nay.

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2017 (GSS2010) ước tính đạt 17781 tỷ đồng², tăng 7,02% so với năm 2016; trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 3618 tỷ đồng, tăng 3,33 %, đóng góp 0,7 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp - xây dựng ước đạt 4222 tỷ đồng, tăng 10,6%, đóng góp 2,44 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ ước đạt 9015 tỷ đồng, tăng 7,01%, đóng góp 3,56 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 926 tỷ đồng, tăng 6,31%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từ đầu năm đến 18/12/2017 đạt 2150,14 tỷ đồng³, bằng 89,74% dự toán năm 2017 và tăng 28,62% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: thu nội địa 1898,24 tỷ đồng, bằng 89,29% dự toán và tăng 34,79%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 234,6 tỷ đồng, bằng 86,89% dự toán và giảm 5,54%. Trong thu nội địa, các khoản thu lớn như: thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước 209 tỷ đồng, bằng 82,28% dự toán và tăng 24,32%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước 543,27 tỷ đồng, bằng 64,52% dự toán và tăng 28,57%; lệ phí trước bạ 99,13 tỷ đồng, bằng 79,31% dự toán và tăng 0,49%; thuế bảo vệ môi trường 294,84 tỷ đồng, bằng 127,93% dự toán và tăng 79,84%; thu tiền sử dụng đất 480,66 tỷ đồng, bằng 128,18% dự toán và tăng 46,84%...

Tổng chi ngân sách địa phương từ đầu năm đến 18/12/2017 thực hiện 5532,68 tỷ đồng, bằng 80,29% dự toán năm 2017 và tăng 11,57% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: chi đầu tư phát triển 1480,88 tỷ đồng, bằng 203,87% dự toán và tăng 11,51%; chi thường xuyên 3997,28 tỷ đồng, bằng 91,41% dự toán và tăng 11,59%. Trong chi thường xuyên, các khoản chi lớn như: chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề 1661,38 tỷ đồng, bằng 85,28% dự toán và tăng 11%; chi sự nghiệp y tế, dân số và KHH gia đình 354,01 tỷ đồng, bằng 80,86% dự toán và giảm 6,52%; chi quản lý hành chính 1021,37 tỷ đồng, bằng 105,23% dự toán và tăng 6,65%; chi sự nghiệp đảm bảo xã hội 213,28 tỷ đồng, bằng 101,5% dự toán và tăng 24,23%; chi sự nghiệp kinh tế 391,15 tỷ đồng, bằng 91,45% dự toán và tăng 31,34%...

² (Báo cáo số 248/BC-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị)

³ (Báo cáo số 248/BC-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị)

2.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước của Tỉnh Quảng Trị

- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị
- Cơ quan tài chính tỉnh Quảng Trị
- Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Trị
- Chủ đầu tư

2.2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về chi thường xuyên Ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thời gian qua

Mỗi năm, mức chi Ngân sách cho sự nghiệp văn hóa của Quảng Trị được quyết định chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong dự toán ngân sách của Sở Văn hóa-thể thao và du lịch tỉnh Quảng Trị:

Bảng Dự toán chi NSNN cho sự nghiệp văn hóa xã hội Tỉnh giai đoạn 2015-2018.

Đơn vị: triệu đồng

Năm	2016	2017	2018
Tổng chi	6.126.367	6.740.684	6.914.665
Chi lĩnh vực văn hóa xã hội	62.713	85.441	57.545

(Nguồn: Sở Tài chính Tỉnh Quảng trị)

Qua bảng trên ta có thể thấy, mức dự toán ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực Văn hóa xã hội của Tỉnh Quảng trị khá cao. Năm 2016 mức chi cho sự nghiệp Văn hóa xã hội 62.713 triệu đồng , năm 2017 là 85.441 triệu đồng trong tổng mức chi của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch của Tỉnh, như vậy có thể thấy, Quảng trị luôn có sự quan tâm đáng kể trong việc đầu tư phát triển sự nghiệp Văn hóa của địa phương. Qua các năm mức chi cho lĩnh vực văn hóa xã hội của Tỉnh luôn tăng lên cùng với sự tăng lên của tổng chi ngân sách của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, năm 2016 dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa của Sở là 62.713 triệu đồng và tăng lên 85.441 triệu đồng năm 2017⁴.

Việc tăng nguồn chi Ngân sách như vậy một mặt thể hiện sự quan tâm, chú trọng đầu tư đến lĩnh vực văn hóa của các cấp, mặt khác nó phản ánh thực tế là khi lạm phát tăng cao thì việc chi NSNN cũng tăng theo mạnh. Tuy nhiên việc tốc độ tăng chi chỉ xấp xỉ lạm phát cho thấy cố gắng rất lớn trong điều hành chính sách tài khóa 2017 của Chính phủ vì nhiều năm gần đây tốc độ tăng chi thường cao hơn nhiều tốc độ lạm phát.

Đến năm 2018, với mục tiêu cắt giảm chi, hạn chế lạm phát và tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa có kế thừa và phát huy chính sách tài khóa năm

⁴ Báo cáo dự toán NSNN năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Trị;

2017 nên mức tăng chi NSNN, kể cả chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa, trong giai đoạn từ 2015-2018 là không cao. Theo quyết định số 2590/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao dự toán NSNN tỉnh năm 2018 thì tổng chi NSNN giao cho Sở Văn hóa-thể thao và du lịch là 54.545 triệu đồng. Trong đó đã bao gồm các khoản chi như: Tăng kinh phí cho việc tổ chức trang trí sân khấu và chương trình ca nhạc chào năm mới, tăng kinh phí tổ chức điều tra tổng kiểm kê di tích lần thứ 3, kinh phí sưu tầm số hóa tài liệu...⁵

Trong việc so sánh mức kinh phí chi cho lĩnh vực Văn hóa xã hội trong kết cấu chi thường xuyên cũng thấy được, mức dự toán chi NSNN cho lĩnh vực Văn hóa xã hội cũng chiếm tỉ lệ cao nhất trong dự toán chi NSNN được giao. Từ những số liệu trên ta thấy được mức chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa đã tăng lên đáng kể, thể hiện sự quan tâm, chú trọng của các cấp chính quyền cũng như phù hợp với tình hình thực tế của Tỉnh tạo điều kiện cho việc giữ gìn và phát huy những nét đẹp văn hóa truyền thống của Quảng Trị nói riêng và nước ta nói chung.

2.2.4. Thực tiễn thực hiện pháp luật về chi đầu tư xây dựng cơ bản cho lĩnh vực văn hóa xã hội

Đối với Quảng Trị, việc đầu tư xây dựng các công trình, các cơ sở phục vụ cho sự nghiệp văn hóa là yêu cầu không nhỏ, do đó những năm qua, tỉnh Quảng trị luôn có sự quan tâm đúng mức cho hoạt động này, thể hiện ở công tác chỉ đạo sát sao và cấp nguồn kinh phí nhất định cho nó. Trong những năm trở lại đây, mức kinh phí cấp cho hoạt động xây dựng cơ bản của lĩnh vực văn hóa không ngừng tăng lên. Có thể thấy rõ điều này qua bảng sau:

Bảng kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản lĩnh vực văn hóa giai đoạn 2015-2018

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	2015	2016	2017	2018
Vốn đầu tư	27.116	40.500	48.600	68.000

(Nguồn: UBND tỉnh Quảng Trị)

Qua đó chúng ta thấy được, mức kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản cho sự nghiệp văn hóa xã hội là không hề nhỏ và luôn tăng theo các năm. Chỉ trong vòng 4 năm, mức kinh phí đã tăng lên hơn 30 tỷ đồng, nhất là chỉ trong giai đoạn 2015-2018, theo các quyết định của UBND Tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2015 và 2018 thì mức chi NSNN đã tăng gần 20 tỷ đồng, đây có thể được xem là mức tăng ngân sách kỉ lục từ trước đến nay của Tỉnh đối với hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản trong lĩnh vực văn hóa xã hội. Việc tăng chi quá nhanh và lớn như vậy cũng là một thực trạng đáng lo ngại, bởi mặc dù chi đầu tư xây dựng cơ bản cho văn hóa xã hội cũng như các lĩnh vực khác là rất cần thiết, tuy nhiên tăng quá nhanh như vậy so với tổng thể tình

⁵ Quyết định số 2590/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng trị về việc giao dự toán NSNN tỉnh năm 2018.

hình kinh tế-xã hội của Quảng trị thì nó cũng là vấn đề đáng quan tâm. Nó thể hiện tình hình thực tế của mức lạm phát ở Quảng trị nói riêng, trong cả nước nói chung là vẫn cao.

2.2.5. Thực tiễn thực hiện pháp luật về chi NSNN cho chương trình mục tiêu quốc gia văn hóa xã hội

Các chương trình MTQG là những mục tiêu quan trọng bậc nhất mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta cần thực hiện trong một giai đoạn nhất định, mang tính lâu dài nhưng cấp thiết. Đối với Quảng trị, việc đầu tư cho văn hóa xã hội là rất cần thiết bởi đây được xem là một trong những trung tâm văn hóa xã hội miền trung, khoản đóng góp vào ngân sách thu từ các dịch vụ văn hóa, du lịch cho tỉnh Quảng trị là không hề nhỏ. Và thực tế là khoản chi NSNN cho MTQG về văn hóa ở đây khá cao. Bởi đây là địa phương vẫn còn tỉ lệ đói nghèo cao, thu nhập người dân vẫn còn thấp, do đó việc đầu tư cho các MTQG về xóa đói giảm nghèo, về việc làm và dạy nghề... cần chiếm một tỉ lệ cao hơn, nhằm thúc đẩy sự phát triển của Tỉnh.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận văn này nghiên cứu về thực trạng áp dụng pháp luật chi ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa xã hội, thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng trị và nhân tố ảnh hưởng đến chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội.

Tác giả đã phân tích thực trạng pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội và thực tiễn áp dụng chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội, có thể thấy áp dụng chi ngân sách cho văn hóa xã hội trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả và những hạn chế nhất định.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật chi ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hoá xã hội tại Tỉnh Quảng Trị

3.1.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội đáp ứng định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong xu hướng đẩy mạnh cải cách hành chính, hợp tác quốc tế

Huy động bộ sức mạnh tổng hợp, khai thác nội lực, các thế mạnh của tỉnh là nhân tố quyết định; nguồn lực bên ngoài là quan trọng. Xây dựng hệ thống kinh tế mở theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời gắn với thị

trường quốc tế, nhằm phát huy và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ nhanh, hiệu quả và bền vững.

Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của tỉnh được thực hiện trong mối quan hệ hữu cơ với sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các tỉnh lân cận để tạo ra sự phân công hợp tác chặt chẽ trong một cơ cấu thống nhất. Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng theo hướng hiện đại, phát triển mạng lưới đô thị thành các trung tâm động lực, tạo hạt nhân phát triển cho các vùng trong Tỉnh.

Lấy con người làm mục tiêu và động lực phát triển, nâng cao trình độ dân trí, bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển; gắn tăng trưởng kinh tế với từng bước thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; chú trọng công tác xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm cho người lao động. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh; củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biên giới, hải đảo; duy trì mối quan hệ hữu nghị với các tỉnh láng giềng khu vực biên giới Việt - Lào.

3.1.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội đáp ứng định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh phù hợp với mục tiêu an sinh xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

Kết hợp hài hòa, gắn phát triển kinh tế với đảm bảo tình hình chính trị, quốc phòng, an ninh và giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Xác định đúng trọng tâm các khâu, các ngành kinh tế có tính chất đột phá; xác định đúng các lĩnh vực ưu tiên phát triển trong từng giai đoạn và có những giải pháp đồng bộ, hiệu quả. Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đủ sức thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển y tế, văn hóa, cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường; tăng cường công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm nhằm nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Đảm bảo sự phát triển đồng đều giữa các vùng, giữa khu vực thành thị với nông thôn, đồng bằng với miền núi và giữa các tầng lớp dân cư trong tỉnh. Phát triển nhanh nền kinh tế phải đi kèm với bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động không để xảy ra các sự cố về môi trường.

3.1.3. Định hướng hoàn thiện pháp luật chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội đáp ứng nhu cầu phát huy giá trị văn hóa xã hội

Xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hoá-thông tin cơ sở, khắc phục tình trạng chênh lệch mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân các vùng/miền trong tỉnh. Hoàn thiện thiết chế văn hoá - thông tin từ tỉnh đến cơ sở đạt chuẩn quốc gia và tổ chức hoạt động có hiệu quả. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về văn hoá - thông tin của các cấp, các ngành.

Xác định các môn thể thao có thế mạnh và trọng điểm của tỉnh để tập trung đầu tư. Hoàn thiện và phát huy có hiệu quả các thiết chế TDTT từ cấp

tính tới các cấp cơ sở; từng bước xã hội hoá các hoạt động TĐTT; đảm bảo kinh phí và trang thiết bị trong đào tạo, huấn luyện vận động viên; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện viên TĐTT, có chế độ ưu đãi để thu hút lực lượng huấn luyện viên giỏi về làm việc cho tỉnh.

3.1.4. Định hướng hoàn thiện pháp luật chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội đáp ứng nguồn vốn tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa xã hội, xã hội hóa oạt động đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, xã hội

Xây dựng cơ chế chính sách ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho các di tích lịch sử, di tích cách mạng và kháng chiến, các di tích khảo cổ học. Các di tích khác đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác.

Bên cạnh đó, xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về chi ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hoá xã hội Tỉnh Quảng trị

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội

- Quy định rõ hơn trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa xã hội

Thứ nhất, Cần bổ sung thẩm quyền, trách nhiệm của Kiểm toán Nhà nước trong công tác lập dự toán và quyết toán chi Ngân sách nhà nước, trong đó có chi NSNN cho lĩnh vực Văn hóa, tham gia xây dựng, thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh về ngân sách.

Thứ hai, Bổ sung việc chỉ đạo của Chính phủ trong việc thực hiện kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, cơ quan Kiểm toán Nhà nước và qui định rõ trách nhiệm của các ngành các cấp, các cơ quan đơn vị trong việc tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán cũng như chế tài đối với các đơn vị không thực hiện nghiêm túc kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, cơ quan kiểm toán nước.

Thứ ba, Quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị dự toán, các chủ thể khác có liên quan đến quá trình ngân sách bao gồm lập, thực hiện và quyết toán dự toán ngân sách nhà nước kèm theo các chế tài xử lý thích đáng các trường hợp không tuân thủ đúng quy định của pháp luật về chi NSNN cho sự nghiệp văn hóa.

Các cấp, các ngành cần tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa nhằm chống thất thoát, lãng phí và nâng cao hiệu quả đầu tư; thường xuyên giao ban với để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

- *Đối với việc lập, phân bổ, giao dự toán chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa xã hội.*

Một là, Quy định sớm hơn về thời gian Chính phủ quyết định lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán Ngân sách nhà nước năm sau và thời gian Bộ Tài chính hướng dẫn, thông báo số kiểm tra để các bộ ngành địa

phương có thời gian hướng dẫn các đơn vị cấp dưới lập dự toán và thời gian để tổng hợp dự toán của bộ ngành địa phương mình. Từ đó tạo nên hiệu quả cao cho hoạt động chi NSNN nói chung, chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa nói riêng ngay từ khâu lập dự toán chi NSNN bởi dự toán chi càng chính xác, càng sát với thực tế chi bao nhiêu thì hiệu quả chi càng cao bấy nhiêu.

Hai là, Qui định thống nhất một đầu mối tổng hợp dự toán ngân sách, gắn kết việc lập dự toán chi thường xuyên và chi đầu tư trong lĩnh vực văn hóa; thống nhất việc quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia, kể cả MTQG về văn hóa, theo đó các bộ, ngành được giao quản lý xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia trình Chính phủ về tình hình thực hiện các năm trước; dự kiến các nhiệm vụ chi, kinh phí cho các nhiệm vụ... nhằm tạo nên sự thống nhất về các chỉ tiêu chi, mức chi, mục đích và các khoản chi NSNN cho lĩnh vực văn hóa xã hội, mang lại hiệu quả cao cho hoạt động này, tránh thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước.

- Hoàn thiện việc phân cấp quản lý ngân sách theo hướng giảm lồng ghép ngân sách hoặc qui định rõ ràng cụ thể nhiệm vụ để hạn chế những tồn tại.

Riêng đối với tỉnh Quảng Trị, có đặc thù riêng với một số tồn tại trong quá trình thực hiện chi NSNN cho sự nghiệp văn hóa như đã nêu ra ở phần trên cũng cần có những biện pháp hoàn thiện phù hợp. Sau đây em xin đề xuất một số kiến nghị như sau:

- Đối với khó khăn về việc huy động nguồn lực để đầu tư cho lĩnh vực văn hóa của tỉnh thì các chủ thể có thẩm quyền cần có những giải pháp thu hút được nhiều nguồn lực từ nhân dân, các cơ sở ngoài công lập, các thành phần kinh tế tham gia và đóng góp xây dựng đời sống văn hóa, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa như: nhà hát, rạp chiếu phim, trung tâm văn hóa nghệ thuật...

Thứ nhất, Cần có các giải pháp cụ thể như tuyên truyền, phổ biến về tầm quan trọng của công tác trùng tu, chỉnh trang các khu di tích, kêu gọi các tổ chức, cá nhân có điều kiện tham gia đầu tư, đóng góp tiền của, công sức cho hoạt động này.

Thứ hai, Tăng cường công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa các thủ tục về đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể, các nhà đầu tư có nguyện vọng đầu tư cho các hoạt động văn hóa của tỉnh, tránh để xảy ra tình trạng muốn đầu tư nhưng ngại vì phải qua các khâu, quy trình thủ tục rườm rà, tốn thời gian, công sức... nên không tiếp tục đầu tư nữa.

Thứ ba, Cần nghiên cứu và có các cơ chế đặc thù về nguồn lực thực hiện việc bảo tồn và phát huy các giá trị di tích. Đối với vấn đề mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển đã và đang là vấn đề nhức nhối, làm đau đầu các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách cũng như các cơ quan ban ngành có thẩm quyền không chỉ của địa phương mà ngay ở trung ương. Trước hết, vấn đề này cần phải được giải quyết theo hướng “ Kết hợp chặt chẽ, hài hòa trong

việc cải tạo xây dựng đô thị và việc trùng tu, tôn tạo khôi phục và làm sống lại các di sản văn hóa-lịch sử của dân tộc và nhân loại, bảo vệ và cải thiện cảnh quan thiên nhiên, bảo đảm tỷ lệ và mật độ tầng cao hợp lý, giữ gìn kiểu nhà vườn và phong cách độc đáo của kiến trúc cổ đô”. Đây là một khó khăn rất lớn đối với tỉnh Quảng Trị trong phát triển kinh tế-xã hội.

Thứ tư, tăng cường đầu tư ngân sách Nhà nước cho các hoạt động văn hóa, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa. Sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch nguồn lực đầu tư của Nhà nước, Thành phố, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức và cá nhân đóng góp kinh phí tổ chức các hoạt động văn hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tập trung các điều kiện để đầu tư toàn diện cho con người với tư cách là chủ thể sáng tạo văn hoá, là sản phẩm văn hoá. Xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa. Đối với nguồn thu qua khai thác di tích bao gồm tiền bán vé tham quan di tích, tiền công đức, tiền thu qua các hoạt động dịch vụ của di tích kiến nghị Nhà nước để lại 100% cho đầu tư tu bổ và tôn tạo di tích.

Cần xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Trên cơ sở đó, các doanh nghiệp có cơ sở pháp lý để đầu tư vào các dự án xã hội hóa. Việc đầu tư đã mang lại kết quả tích cực, giúp tiết kiệm hàng trăm triệu đồng cho ngân sách nhà nước. Thực tế cho thấy, phần lớn các lĩnh vực dịch vụ công đều nhận được sự đầu tư, tài trợ của các tổ chức, cá nhân từ trong và ngoài nước. Trong lĩnh vực y tế, các tổ chức, doanh nghiệp đã đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cao vào các bệnh viện công lập, vận động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho các hoạt động sơn sửa, tu bổ các di tích. Trong lĩnh vực thể thao, tạo điều kiện hỗ trợ, hướng dẫn chuyên môn, các thủ tục cấp phép cho các nhà đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động các khu vui chơi, thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân.

3.2.2. Giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hoá xã hội Tỉnh Quảng Trị trong những năm tới

Một là, tạo điều kiện cho mỗi cấp chính quyền địa phương chủ động thực hiện các chức năng nhiệm vụ của mình, là động lực khuyến khích mỗi cấp chính quyền và dân cư ở địa phương tích cực khai thác các tiềm năng của mình để phát triển kinh tế địa phương. Chúng ta thường lo ngại là tăng cường quyền tự chủ về chi ngân sách trong khi năng lực quản lý của chính quyền địa phương còn yếu sẽ dẫn đến những hậu quả tai hại. Song cũng không thể chờ cho chính quyền địa phương có đủ năng lực quản lý ngân sách thì mới giao quyền tự chủ, bởi vì chính quyền địa phương sẽ khó có đủ năng lực khi mà họ không được thử nghiệm để phát triển năng lực đó.

Trong điều kiện ngân sách các cấp vẫn còn lũng ghèp như hiện nay và Hiến pháp năm 2013 vẫn trao cho Quốc hội “quyết định dự toán ngân sách

nhà nước...” và “phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước...” (khoản 4 Điều 70) thì chưa thể có những cải cách cơ bản trong vấn đề ngân sách. Để giải quyết vấn đề lâu dài, có tính bền vững, cần thiết kế lại hệ thống NSNN theo hướng tách bạch rõ ràng các cấp ngân sách, các cấp ngân sách không lồng ghép với nhau, tạo quyền chủ động hơn cho địa phương trong phân bổ và quyết định chi ngân sách.

Hai là, Để đảm bảo trong khuôn khổ của khoản 4 Điều 70 Hiến pháp năm 2013, có thể phân định ngay thẩm quyền ngân sách của từng cấp chính quyền địa phương, bằng quy định của luật, trao cho Hội đồng nhân dân các cấp quyết định tỷ lệ phân chia các khoản thu của địa phương mình; đồng thời Hội đồng nhân dân các cấp được quyết định các chế độ chi ngân sách. Trong nhiệm vụ chi của địa phương, cần mở rộng quyền tự chủ của địa phương trong quyết định chi tiêu; cho phép chính quyền địa phương tự chủ chi ngân sách ở một mức độ thích hợp trong việc ra các quyết định chi tiêu theo ưu tiên của địa phương. Để đảm bảo tính lâu dài trung ương cần phân bổ số bổ sung có mục tiêu cho các địa phương trên cơ sở định rõ tiêu chí, nguyên tắc về bổ sung có mục tiêu gắn với các định hướng và chiến lược phát triển ưu tiên của từng vùng, miền và kế hoạch trung và dài hạn của địa phương. Đồng thời, mở rộng quyền tự chủ của địa phương trong quyết định chi tiêu: Cho phép chính quyền địa phương tự chủ ở một mức độ thích hợp trong việc ra các quyết định chi tiêu theo ưu tiên của địa phương.

Theo đó, địa phương cần được chủ động quy định các nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách của địa phương phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng ngân sách của các cấp ngân sách thuộc địa phương.

Ba là, cần quy định ngân sách cấp trên chỉ bao gồm ngân sách cấp dưới về tổng số thu, tổng số chi và một số khoản thu, một số lĩnh vực chi quan trọng; không bao gồm cơ cấu loại thu, từng lĩnh vực chi và theo cơ cấu giữa chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển và chi trả nợ như hiện hành. Từng địa phương căn cứ vào tình hình đặc thù của mình mà được quyền tự quyết về cơ cấu loại thu, từng lĩnh vực chi còn lại.

Bốn là, hoàn thiện quy định về vị trí, vai trò của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong quy trình ngân sách, bảo đảm cho HĐND chủ động trong việc quyết định các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương, quyết định và xây dựng ngân sách địa phương trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc thống nhất của nền tài chính quốc gia. Theo đó, cần cho phép HĐND cấp tỉnh ban hành một số loại định mức tiêu chuẩn phù hợp với khả năng ngân sách địa phương và điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng; quy định cụ thể và công khai tỷ lệ điều tiết từ các nguồn thu phân chia, số bổ sung giữa các cấp ngân sách địa phương; ban hành các văn bản điều chỉnh cơ chế vay giữa các cấp ngân sách địa phương.

Năm là, cần đổi mới quy trình ngân sách nhà nước nói chung và quy trình ngân sách địa phương nói riêng theo hướng tách bạch, rõ ràng. Hiện nay

quy trình ngân sách ở nước ta còn lỏng gập. Muốn bảo đảm tính độc lập tương đối của chính quyền địa phương trong việc lập, quyết định dự toán, phân bổ và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương thì ngoài việc quy định Quốc hội chỉ quyết định dự toán NSNN, quyết định phân bổ dự toán ngân sách Trung ương, HĐND quyết định phân bổ ngân sách địa phương.

Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực xã hội để khai thác tiềm năng, nguồn lực từ các doanh nghiệp, các đoàn thể xã hội đầu tư vào hoạt động xã hội hóa dịch vụ công. Đặc biệt, tranh thủ được nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào hoạt động này.

Giảm bớt cơ chế thủ tục hành chính đối với việc thu hút đầu tư vào các lĩnh vực hoạt động xã hội hóa một số ngành nghề có điều kiện; triển khai chính sách ưu đãi về đất, vốn vay đầu tư và thành lập doanh nghiệp vào hoạt động xã hội hóa. Kiến nghị Nhà nước sớm có quy định về giá dịch vụ đảm bảo tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí và lợi nhuận cho nhà đầu tư, chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Đồng thời, trình đề xuất về việc thực hiện chế độ tự chủ cho các đơn vị trường học để huy động nguồn lực tại chỗ đầu tư cho giáo dục để xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, phát triển tin học, ngoại ngữ... chế độ ưu đãi cho cán bộ, giáo viên trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện xã hội hóa giáo dục, có chính sách thu hút giáo viên giỏi.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Chương 3 của luận văn đã đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật chi ngân sách và thực tiễn áp dụng pháp luật về chi ngân sách nhà nước tại tỉnh Quảng Trị. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật chi ngân sách Tỉnh nhằm tăng cường hiệu quả chi văn hóa, xã hội bảo đảm nền tảng thúc đẩy KTXH phát triển theo đúng định hướng. Áp dụng pháp luật chi thường xuyên nhằm hạn chế việc thất thoát, tránh sử dụng lãng phí NSNN. Nâng cao phẩm chất, năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu áp dụng pháp luật và chi ngân sách nhà nước. Tăng cường thanh, kiểm tra tình hình chi NSNN tại đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh, thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính tại các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh.

KẾT LUẬN

Chi ngân sách nhà nước cho hoạt động văn hoá xã hội và pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hoá xã hội nhằm đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu của nhà nước trong hoạt động quản lý nói chung và từng địa bàn địa phương nói riêng. Chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội là một trong những khoản chi đặc biệt quan trọng. Mục tiêu của các hoạt động văn hóa xã hội là nâng cao tri thức và thẩm mỹ cho mọi tầng lớp dân cư nhằm xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, có nội dung nhân đạo, dân chủ và tiến bộ, phát triển đạo đức xã hội và truyền thống dân tộc. Mục tiêu của các hoạt động này cho phép mỗi công dân phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức và nâng cao tri thức của mình. Vì tính chất quan trọng của các hoạt động văn hóa xã hội nên việc thực hiện các mục tiêu của chúng gắn liền một khoản cấp phát từ ngân sách nhà nước.

Thông qua việc tìm hiểu về chế độ chi ngân sách cho lĩnh vực văn hoá xã hội cũng như thực tiễn áp dụng chế độ này ở địa bàn tỉnh Quảng Trị có thể thấy rằng hoạt động chi ngân sách cho lĩnh vực văn hoá xã hội có tầm quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu, chương trình và chức năng của nhà nước trên địa bàn, góp phần hình thành cơ cấu nền kinh tế hợp lý theo định hướng của nhà nước, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển và nâng cao năng suất lao động xã hội.

Trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa xã hội qua thực tiễn tại Tỉnh Quảng Trị từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật chi ngân sách nói chung và nâng cao hiệu quả về thực hiện hoạt động chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.